TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK** Bản án số: 30/2025/DS-ST. Ngày 17/9/2025. (V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản).	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Ông Ngô Văn Tuyển.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Toà án nhân dân kh vực 4-Đắk Lắk.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện khu vực 4-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐ-HPT ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1982
Bà Đỗ Thị Hiền T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn 3, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: 21 L, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Châu Thị N, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thôn 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Từ năm 2017 cho đến nay bà Châu Thị N có bỏ bánh mì cho vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T nên hai bên có quen biết. Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2022 bà N đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông T bà T với mục đích là đầu tư buôn bán và cho con đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, khi vay tiền bà N có cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ cho vợ chồng ông T bà T vào cuối năm 2022, trong khoảng

thời gian này ông T bà T cho bà N vay tiền trên tinh thần giúp đỡ chứ không tính lãi suất.

Tuy nhiên, đến hạn trả tiền theo thỏa thuận từ cuối năm 2022 qua đầu năm 2023 dù vợ chồng ông T bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại số tiền vay trước đó nhưng bà N cứ cố tình lảng tránh, khất lần và không chịu thanh toán cho ông T bà T.

Sau nhiều lần liên hệ nhắc nợ không thành, đến ngày 27/06/2023 ông T bà T trực tiếp đến nhà riêng gặp bà N nói chuyện thì hai bên đã cùng ngồi lại và chốt lại số tiền bà N nợ của vợ chồng ông T bà T, hai bên thống nhất ghi nhận lại bằng "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" với số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng chẵn), thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 27/06/2023 đến ngày 27/06/2024, lãi suất là 6.000.000 đồng/tháng (tức 1%/tháng), hai bên có ký tên xác nhận.

Đến hẹn thanh toán theo hợp đồng, mặc dù ông T và bà T đã liên hệ nhiều lần nhưng bà N cứ liên tục lảng tránh, hứa hẹn, lần lữa và chây ỳ, không chịu trả tiền cho ông T và bà T như đã thoả thuận, tính đến thời điểm hiện tại bà N chưa thanh toán cho vợ chồng ông T bà T bất kể một khoản tiền gốc và lãi nào.

Từ những trình bày nêu trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T. Nay tôi làm bản tự khai này gửi đến Tòa án nhân dân Huyện K, đề nghị Quý Tòa giải quyết yêu cầu đối với bị đơn bà Châu Thị N cụ thể như sau:

Buộc bà Châu Thị N thanh toán cho vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T tổng số tiền là: 696.800.000 đồng (Sáu trăm chín mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng), trong đó:

Số tiền gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Số tiền lãi tạm tính từ ngày 27/06/2023 đến ngày 17/9/2025 (783 ngày), được tính cụ thể như sau: 600.000.000 đồng x 1%/tháng x 783 ngày : 30 ngày = 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu ngàn đồng); Và yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 18/9/2025 với lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nêu trên.

2.Bị đơn bà Châu Thị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phần tranh luận người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, Buộc bà Châu Thị N thanh toán cho vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T các khoản sau:

Số tiền gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Số tiền lãi tạm tính từ ngày 27/06/2023 đến ngày 17/9/2025 (783 ngày), được tính cụ thể như sau: 600.000.000 đồng x 1%/tháng x 783 ngày : 30 ngày = 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng); Và yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 18/9/2025 với lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Diệu Thảo: Buộc bà Châu Thị N trả cho ông T, bà T 600.000.000 đồng và số tiền lãi với lãi suất 1%/tháng từ ngày vay 27/6/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy vay tiền giữa ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T với bà Châu Thị N, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Châu Thị N có nơi cư trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Châu Thị N, tuy nhiên bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thể hiện:

3.1.Về thời gian vay tiền và số tiền vay: Ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T cho rằng, ngày 27/06/2023 ông bà có cho bà Châu Thị N vay số tiền 600.000.000 đồng, thời gian vay là 01 năm, thời hạn trả nợ đến ngày 27/6/2024, lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên khi đến ngày trả tiền thì bà Châu Thị N đã không thực hiện nghĩa vụ, mặc dù

ông T, bà T nhiều lần liên lạc, hối thúc việc trả nợ nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn bà Châu Thị N không đến làm việc tại Tòa án nên nguyên đơn Đoàn Văn T, Đỗ Thị Hiền T có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà N trong vay tiền ngày 27/06/2023.

Ngày 24/7/2025 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kết luận giám định số số 59/KL-KTHS có nội dung như sau:

-Mẫu cần giám định: Bản gốc Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 27/6/2023.

-Mẫu so sánh: Bản gốc tờ khai chứng minh nhân dân số 240478641 ghi tên Châu Thị N.

-Nội dung yêu cầu giám định: Dấu vân tay của bà Châu Thị N được điểm chỉ trong "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 27/6/2023" so với Dấu vân tay được điểm chỉ trong "Tờ khai chứng minh nhân dân số 240478641 ghi tên Châu Thị N" có phải dấu vân tay của cùng một người hay không?

-Kết luận về đối tượng giám định:

+Dấu vân tay đầu ngón in bằng mực màu đỏ đánh số 01 dưới chữ ký ghi họ tên Châu Thị N phần "ĐẠI DIỆN BÊN B" ở mặt sau "HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIÊN", đề ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại địa chỉ Thôn 3 - T- K, Bên A (Bên cho vay) ghi họ tên Đoàn Văn T và Bên B (bên vay) ghi họ tên Châu Thị N (Ký hiệu A) bị mờ nhòe, chống vân không đủ đặc điểm nên không đủ yếu tố giám định.

+ Dấu vân tay đầu ngón in bằng mực màu đỏ đánh số 02 dưới chữ ký ghi họ tên Châu Thị N phần "ĐẠI DIỆN BÊN B" ở mặt sau "HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN", đề ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại địa chỉ Thôn 3 - T- K, Bên A (Bên cho vay) ghi họ tên Đoàn Văn T và Bên B (bên vay) ghi họ tên Châu Thị N (Ký hiệu A) với dấu vân tay in ở ô "Ngón trỏ phải" trên "TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN", số 240478641, ghi họ tên Châu Thị N, sinh ngày 24/4/1972, nơi ĐKHK thường trú tại thôn Tân Lập - Hòa An - K - Đắk Lắk (ký hiệu M) là của cùng một người.

Từ đó có cơ sở xác định bà Châu Thị N có vay của ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T số tiền 600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/6/2023. Ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T, cần buộc bị đơn bà Châu Thị N có nghĩa vụ trả cho ông T, bà T số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc theo quy định của pháp luật.

3.2.Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T yêu cầu bà Châu Thị N trả tiền lãi đối với số nợ gốc 600.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 27/06/2023 đến ngày 17/9/2025 (783 ngày) với mức lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng); Và yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 18/9/2025 với lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nêu trên.

Xét thấy bà Châu Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1%/tháng. Qua xem xét thời gian vay và thời gian vi phạm thời hạn trả nợ thì thấy được, bà N đã vay từ ngày 27/06/2023 đến ngày 17/9/2025 được tính tổng cộng là 783 ngày. Như vậy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi cụ thể là: 600.000.000 đồng x 1%/tháng x 783 ngày : 30 ngày = 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 18/9/2025 cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nêu trên với lãi suất 1%/tháng là có cơ sở và có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà Châu Thị N trả số tiền lãi cho ông T, bà T số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/9/2025 là 156.000.000 đồng. Bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi bà N trả hết số nợ gốc, theo mức lãi suất là 1%/tháng.

Tổng cộng số nợ gốc và nợ lãi bà Châu Thị N phải trả cho ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T là 756.000.000 đồng. Tiền lãi được tạm tính đến ngày 17/9/2025. Bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi bà N trả hết số nợ gốc, theo mức lãi suất là 1%/tháng.

3.3. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Châu Thị N phải chịu 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền này ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T đã nộp tạm ứng, do đó bà Châu Thị N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T số tiền 5.400.000 đồng.

3.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 756.000.000 đồng, cụ thể: 20.000.000 đồng + (356.000.000 đồng x 4%) = 34.240.000 đồng.

Ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét thấy ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Đắk Lắk là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 103, Điều 161, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T đối với bà Châu Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Châu Thị N phải trả cho ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T số tiền 756.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/9/2025 là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)

Bà Châu Thị N tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi bà N trả hết số nợ gốc, theo mức lãi suất là 1%/tháng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị N phải chịu 34.240.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006106 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng Thi hành án khu vực 4- Đắk Lắk).

4. Về chi phí tố tụng: Bà Châu Thị N phải chịu 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Số tiền này ông Đoàn Văn T và bà Đỗ Thị Hiền T đã nộp tạm ứng, vì vậy bà Châu Thị N phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Đoàn Văn T, bà Đỗ Thị Hiền T số tiền 5.400.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
-Chi cục THADS H.K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tuyển Trịnh Thị Oanh **H'Năm Bkrông**